

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HS-ST

Ngày 13 - 01 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T**

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân :* Ông Nguyễn Văn Sâm

Ông Lê Đăng Thiện

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T .

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:***

Ông Phạm Hùng Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 110/2021/TLST - HS ngày 23 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2021/QĐXXST - HS ngày 29/12/2021 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Thị H;** Sinh ngày 07 tháng 4 năm 1996 tại xã X, huyện T, tỉnh T; Nơi ĐKKHTT và nơi cư trú: Thôn Q xã X, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Nguyễn Duy H , sinh năm 1969; Mẹ đẻ: Đỗ Thị H , sinh năm 1972; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2; Chồng: Hoàng Tiến M, sinh năm 1990; Có 02 con , con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa

**2. Hoàng Tiến M;** Sinh ngày 07 tháng 5 năm 1990 tại xã X, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn Q T1 xã X, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Hoàng Tiến C , sinh năm 1960; Mẹ đẻ: Phạm Thị K (đã chết); Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 3; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1996; Có 02 con , con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

**3. Nguyễn Văn T;** Sinh ngày 14 tháng 12 năm 2002 tại xã T , huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn H 4 xã T huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Nguyễn Văn H , sinh năm 1968; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị X , sinh năm 1968; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ 4; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**4. Nguyễn Văn L;** Tên gọi khác: Nguyễn Văn L ; Sinh ngày 18 tháng 12 năm 1995 tại xã T , huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú Thôn H 4 xã T huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Nguyễn Văn H , sinh năm 1968; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị X , sinh năm 1968; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ 2; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**5. Nguyễn Thị H;** Sinh ngày 10 tháng 9 năm 1998 tại xã T, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú Thôn Hữu Lễ 4 xã T, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Nguyễn Văn H, sinh năm 1968; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị X, sinh năm 1968; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ 3; Chồng: Nguyễn Văn Đ , sinh năm 1994; Có 01 con sinh năm 2016; Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

**6. Nguyễn Đức T;** Sinh ngày 01 tháng 4 năm 1992 tại thị trấn L , huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Khu 1 thị trấn L , huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Nguyễn Đức N , sinh năm 1949; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H , sinh năm 1958; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 3; Vợ: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1992; Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**7. Nguyễn Thị Q;** Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 14 tháng 8 năm 1992 tại xã T, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Khu 1 thị trấn L, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Nguyễn Văn H, sinh năm 1968; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị X, sinh năm 1968; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ 1; Chồng: Nguyễn Đức T, sinh năm 1992; Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1968. Vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1968. Vắng mặt

Đều trú tại: Thôn H 4, xã T , huyện T, tỉnh T.

3. Ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1969. Vắng mặt

4. Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1972. Vắng mặt

5. Chị Trịnh Thị B, sinh năm: 1974. Vắng mặt

6. Ông Mạch Quang L , sinh năm 1964. Vắng mặt

Đều trú tại: Thôn Minh T 2, xã X, huyện T, tỉnh T

7. Chị Nguyễn Thị T , sinh năm 1991. Vắng mặt

Trú tại: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh T

8. Anh Trần Đức Á , sinh năm 1991. Vắng mặt

9. Chị Vũ Thị C , sinh năm 1970. Vắng mặt

Đều trú tại: Khu 3 thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh T

10. Chị Trịnh Thị T sinh năm 1976. Vắng mặt

Trú tại: Thôn H 1, xã T, huyện T, tỉnh T

11. Chị Nguyễn Thị T , sinh năm 1973. Vắng mặt

Trú tại; Thôn 5, xã X , huyện T , tỉnh T

12. Chị Lê Thị T sinh năm 1991. Vắng mặt

Trú tại: Thôn 3 Th , xã X , huyện T , tỉnh T

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Khoảng 04 giờ 50 phút sáng ngày 02/8/2021 tại khu vực chợ B thuộc thôn Minh T 2 xã X, huyện T xảy ra vụ việc bà Nguyễn Thị X và chị Nguyễn Thị H bán cá biển tại Chợ B thì có chị Thủy (khách hàng đến xem cá để mua), lúc này chị H đang bán cá tại đó cũng chào chị T lại mua cá của mình, dẫn đến hai bên có lời qua tiếng lại với nhau, do chị H chửi bà X nên chị Nguyễn Thị H đang bán cá cùng bà X có nói: « Mi chửi mẹ tao im đi tao sang đánh cho bây giờ », Hnói « thích thì lên mà đánh » nên H đã đi đến chỗ H và hai bên vật lộn đánh nhau, được mọi người can ngăn nên dừng lại, ai về vị trí gian bán cá của mình; Sau đó H và H vẫn lời qua tiếng lại, khoảng 2 đến 3 phút sau H lại xông đến chỗ H, hai bên chửi bới và đánh lộn nhau, lúc này H lấy 01 cái cân đồng hồ của chị Trịnh Thị B (đang bán hàng ở gần đó) ném về phía H trúng vào bà X (mẹ H) làm bà bị thương tích nhẹ, mọi người tiếp tục can ngăn nên cả hai không đánh nhau nữa. Khoảng một lúc sau khi H đang bán cá thì thấy đau bụng nên có gọi điện cho Nguyễn Văn T (là em trai) lên đón về, sau đó T lên đón H về và nói với

H« 5 phút sau quay lại ». Khi về đến nhà, ông Nguyễn Văn H (bố đẻ H), thấy H bị xây sát tay chân và nói đau bụng do vừa xô sát đánh nhau với chị H ại chợ, lúc này có Nguyễn Văn L (em H) cũng đang ở đó biết sự việc. H gọi điện cho anh Đức chồng H về đưa H đi khám và điều trị tại Bệnh viện. Còn T và L do bức xúc thấy chị mình bị H đánh nên đã đi xe máy đến Chợ B , L lấy 01 cái búa (dạng búa bổ củi) của ông Nguyễn Văn H từ nhà đem theo, khi đến chợ T lại lấy 01 con dao thái của của anh Mạch Quang L (đang bán dao trong chợ) rồi cả hai đi lại phía H đang bán cá định đánh thì H bỏ chạy. Lúc này có bố, mẹ H(là ông H và bà H) ở gần đó ra can ngăn nói chuyện liền bị T, L xô ngã xuống đất, được mọi người can can ngăn, giật lấy dao và búa của Tvà L thì sự việc dừng lại. Tvà L bị mọi mọi đẩy ra khu vực ngoài cổng chợ.

Khoảng ít phút sau ông Nguyễn Văn H là bố đẻ của H, T, Lộc biết tin bà X và H bị H đánh nên đã đến chợ xem sự việc thế nào. Khi đến nơi thấy ông H và vợ ông đang đứng ở hàng bán thịt gần đó, do bức xúc nên đã chạy lại đôi co, chỉ tay về phía ông H nói « Bay ở đây mà để cho bọn con nít đánh nhau ». Vợ ông H nói « chúng tôi mới ra không biết sự việc » hai bên lời qua tiếng lại được mọi người can ngăn nên ông H đi quay ra ngoài thì vướng vào 01 cái chành (đựng bán cá) của người dân đang bán hàng trong chợ nên cúi xuống gỡ ra và sau đó ra về.

Khoảng 20 phút sau, do nhận được điện thoại của chị D (bán hàng thịt tại chợ B nói H và mẹ bị đánh tại chợ nên vợ chồng Nguyễn Thị Q và Nguyễn Đức T (là chị gái và là anh rể của H) đi xe máy đến, khi đến nơi Q chửi bới và xông vào tát H một cái vào má phải, thấy vợ bị Q đánh, anh M(chồng H) tát lại Q 01 cái, ngay lúc đó T (chồng Q) liền xông vào xô sát tay không với Mvà xô ngã M, M lấy 01 con dao bầu (dạng dao dùng bán thịt lợn) của bà Nguyễn Thị T đang bán thịt trong chợ, lừa đuôi đánh vợ chồng Q làm hai người sợ bỏ chạy ra khỏi chợ, mọi người trong chợ đến can ngăn, lấy được dao từ tay M. Sự việc diễn ra trong vòng 40 phút thì kết thúc. Sự việc xảy ra đã gây ồn ào làm mất an ninh trật tự, làm ách tắc việc đi lại của bà con trong chợ, ảnh hưởng đến hoạt động buôn bán thường ngày của bà con tiểu tH và gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Sau khi nhận được tin báo Công an xã X đã báo cáo Công an huyện T để giải quyết vụ việc, đồng thời tiến hành làm việc với các đối tượng và nhân chứng, thu giữ đồ vật tài liệu liên quan.

Sự việc xảy ra đã làm một số người bị xây sát, tH tích nhẹ và không yêu cầu giám định thương tích, không yêu cầu bồi thường gì.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 cân đồng hồ, 01 búa (dạng búa bổ củi), 01 dao thái, 01 dao bầu là công cụ phạm tội, sau khi làm rõ đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định pháp luật.

Cáo trạng số 03/CT-VKS -TX ngày 22/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo: Nguyễn Thị H, Hoàng Tiến M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L về tội: "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; Truy tố các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Q về tội: "Gây rối trật tự công cộng" theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Thị H, Hoàng Tiến M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L phạm tội: "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Q phạm tội: "Gây rối trật tự công cộng" theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Đề nghị HĐXX áp dụng: Điểm b khoản 2 điều 318; Điều 58; Điều 65; Điểm s khoản 1, 2 điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo: Nguyễn Thị H, Hoàng Tiến M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L.

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H từ 30(Ba mươi) đến 33(Ba mươi ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án; Bị cáo Nguyễn Văn T từ 27(Hai mươi bảy) đến 30(Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54(năm mươi tư) đến 60(sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án; Bị cáo Nguyễn Văn L từ 27(Hai mươi bảy) đến 30(Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 (năm mươi tư) đến 60(sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án; Bị cáo Hoàng Tiến M từ 24(hai mươi tư) đến 27(hai mươi bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 (bốn mươi tám) đến 54(năm mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án.

Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 điều 318; Điều 58; Điều 65; Điểm s, i, n khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị H;

Đề nghị xử phạt Bị cáo Nguyễn Thị H từ 06(sáu) đến 09(chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12(mười hai) đến 18(mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 điều 318; Điều 58; Điều 36; Điểm s, i khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Q.

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T từ 06(sáu) đến 09(chín) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Văn T mỗi tháng 500.000đ; Bị cáo Nguyễn Thị Q 06(sáu) đến 09(chín) tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Q.

Buộc các bị cáo chịu án phí HSST theo quy định pháp luật;

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, các bị cáo đều đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra; Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đều phản ánh thống nhất khách quan: Vào khoảng 04 giờ 50 phút sáng ngày 02/8/2021 tại khu vực chợ B xã X. Các bị cáo Nguyễn Thị H, Hoàng Tiến M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức T, Nguyễn Thị Q đã có hành vi chửi bới, xô sát đánh nhau, lùa đuổi nhau tại khu vực chợ Bái Thượng trong khoảng thời gian gần 01 giờ, đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, trật tự tại khu vực chợ và khu vực lân cận. Do đó hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu T tội: "Gây rối trật tự công cộng". Các bị cáo Nguyễn Thị H, Hoàng Tiến M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L đã dùng hung khí nên các bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 2 điều 318 Bộ luật hình sự.

Vì vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo Nguyễn Thị H, Hoàng Tiến M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L phạm tội: "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 318 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Q phạm tội: "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại khoản 1 điều 318 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 03/CT-VKS -TX ngày 22/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[ 3 ] Xét về tính chất mức độ nghiêm trọng của vụ án: HĐXX thấy rằng: Đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng.

[ 4 ]. Xét về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo: HĐXX thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã xâm phạm trật tự trị an, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo thật nghiêm minh mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở T công dân tốt và có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[ 5] Xét về vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo: HĐXX thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo không phải là trường hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này các bị cáo đều có mối quan hệ là vợ chồng và anh chị em ruột với nhau. Nhóm bị cáo H và bị cáo M là vợ chồng; Nhóm các bị cáo T, L, H, Q là anh chị em ruột, các bị cáo T và Q là vợ chồng. Các bên cãi cọ, chửi bới, xô sát với nhau. Bị cáo H dùng cân bán hàng, M và T dùng dao, L dùng búa đều là hung khí nguy hiểm nên các bị cáo xếp vai trò cao hơn các bị cáo còn lại. Do đó bị cáo H, M, T, L phải chịu mức hình phạt cao hơn. Nhóm các bị cáo H, T, Q chịu mức hình phạt thấp hơn.

[ 6] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo đều T khẩn khai báo nên các bị cáo đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo H, T, Q đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 BLHS. Bị cáo H là phụ nữ có thai nên được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 điều 51; Các bị cáo H, M, T, L đều ủng hộ tiền cho địa phương để phòng chống đại dịch Covid nên các bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS. HĐXX sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[7]. Về hình phạt: HĐXX xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và không còn nguy hiểm cho xã hội nên không cần thiết phải cách ly xã hội đối với các bị cáo. HĐXX áp dụng điều 65 BLHS cho các bị cáo H, M, T, L và H được hưởng án treo cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội. Đối với các bị cáo T và Q xếp vai trò cuối cùng trong vụ án nên HĐXX căn cứ điều 36 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo là phù hợp. Bị cáo T làm nghề Lái máy xúc có thu nhập bình quân từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ nên HĐXX khấu trừ thu nhập với mức 500.000đ/tháng. Bị cáo Q đang nuôi con nhỏ, không có thu nhập nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Q.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào: Điều 318; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Các bị cáo: Nguyễn Thị H, Hoàng Tiến M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức T, Nguyễn Thị Q phạm tội : "Gây rối trật tự công cộng";

- Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 điều 318; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điểm s khoản 1, 2 điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo: Nguyễn Thị H, Hoàng Tiến M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L;

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 30(ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05(năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn T 28(hai mươi tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 56(năm mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn L 28(hai mươi tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 56(năm mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Hoàng Tiến M 24(hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48(bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ vào: Khoản 1 điều 318; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điểm i, s, n khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị H;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 06(sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12(mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị H, Hoàng Tiến M cho UBND xã X, huyện T, tỉnh T; Giao các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị H cho UBND xã T, huyện T, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ vào: Khoản 1 điều 318; Điều 17; Điều 58; Điều 36; Điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Thị Quỳnh;

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 06 tháng Cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo T với mức 500.000đ/tháng.

Bị cáo Nguyễn Thị Q 06 tháng Cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Q.

Thời hạn chấp hành án tính từ ngày UBND thị trấn L, huyện T, tỉnh T nhận được Quyết định Thi hành án và bản sao bản án của Tòa án nhân dân huyện T. Giao các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Thị Q cho UBND thị trấn L, huyện T, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.



Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định của Luật thi hành án hình sự.

- Về án phí : Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS; Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị H, Hoàng Tiến M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức T, Nguyễn Thị Q, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T
- VKSND tỉnh T
- THA dân sự;
- THA hình sự Công an huyện T
- UBND xã X, UBND xã T, UBND thị trấn L
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Hằng**